TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **227**/2025/DS-ST
Ngày: 02/6/2025
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thanh Phong;

2. Ông Võ Trọng Nghĩa;

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 73/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp ALT, xã XĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị Lý Nguyễn Huyền T1, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp HLT, xã BN, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

**Bị đơn:* Bà Lý Hồng H2, sinh năm 1973;

Ông Phạm Thế H3, sinh năm 1969;

Anh Phạm Anh T2, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: ấp TN, xã XĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

(Chị T1 có đơn đề nghị vắng mặt; bà H2, ông H3 và anh T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1, có đại diện ủy quyền là chị Lý Nguyễn Huyền T1 trình bày:*

Do quen biết nên ngày 18/12/2023 bà Nguyễn Thị Thanh H1 có cho ông Phạm Thế H3, bà Lý Hồng H2 và anh Phạm Anh T2 vay số tiền 500.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay tiền, số công chứng 10215, quyển số 02/2023/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Chợ Gạo, thời hạn vay

12 tháng. Đến ngày 16/01/2025 ông H3 vay thêm số tiền 115.000.000 đồng và có ký tên vào giấy nhận nợ, thừa nhận nợ bà Thanh H1 tổng số tiền 615.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 05/3/2025, mục đích cả hai lần vay là để làm ăn kinh doanh. Đến thời hạn trả nợ, ông H3, bà Hồng H2 và anh T2 không thực hiện trả tiền.

Trước đây bà Thanh H1 khởi kiện yêu cầu ông H3, bà Hồng H2 và anh T2 cùng liên đới trả số tiền 615.000.000 đồng và tiền lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Thanh H1 có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: yêu cầu ông H3, bà Hồng H2 và anh T2 liên đới trả số tiền nợ 500.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 06/3/2025 đến khi xét xử; yêu cầu ông H3 trả số tiền 115.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 06/3/2025 đến khi xét xử.

** Bị đơn ông Phạm Thế H3 trình bày:*

Trước đây ông và vợ là Lý Hồng H2 và con trai là Phạm Anh T2 có vay tiền của bà Nguyễn Thị Thanh H1, số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 01 năm, mục đích vay là để trả nợ ngân hàng, ông bà có ký vào hợp đồng vay. Ông bà đã trả tiền lãi khoảng 100.000.000 đồng, nhưng không có giấy tờ chứng minh. Đến tháng 01/2025, ông bả không có tiền trả nợ nên bà Thanh H1 đã cộng tiền lãi còn nợ thành số tiền 115.000.000 đồng và yêu cầu ông viết Giấy nhận nợ. Chữ ký trong giấy nhận nợ ngày 16/01/2025 là của ông. Nay bà Thanh H1 yêu cầu ông bà trả số tiền 615.000.000 đồng thì ông đồng ý trả nợ cho bà Thanh H1, ông xin không trả lãi.

* Bị đơn bà Lý Hồng H2 và anh Phạm Anh T2 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Hồng H2, anh T2 vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị T1 có đơn đề nghị vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Yêu cầu ông H3, bà Hồng H2 và anh T2 liên đới trả số tiền nợ 500.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 06/3/2025 đến khi xét xử ngày 02/6/2025 là 02 tháng 27 ngày, thành tiền 12.035.000 đồng, tổng cộng là 512.035.000 đồng. Yêu cầu ông H3 trả số tiền 115.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 06/3/2025 đến khi xét xử ngày 02/6/2025 là 02 tháng 27 ngày, thành tiền 2.768.000 đồng, tổng cộng là 117.768.000 đồng. Bị đơn ông H3, bà Hồng H2, anh T2 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1 khởi kiện yêu cầu bà Lý Hồng H2, ông Phạm Thế H3, anh Phạm Anh T2 trả số tiền nợ vay nên Hội đồng xét

xử xác định đây là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà Hồng H2, ông H3, anh T2 cư trú tại ấp TN, xã XĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Hồng H2, ông H3, anh T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị T1 có nộp đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu ông H3, bà Hồng H2 và anh T2 liên đới trả số tiền nợ 500.000.000 đồng và tiền lãi; yêu cầu ông H3 trả số tiền 115.000.000 đồng và tiền lãi. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do quen biết nên ngày 18/12/2023 bà Thanh Hoa có cho ông H3, bà Hồng H2 và anh T2 vay số tiền 500.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay tiền, thời hạn vay 12 tháng. Đến ngày 16/01/2025 ông H3 vay thêm số tiền 115.000.000 đồng và có ký tên vào giấy nhận nợ, thừa nhận nợ bà H1 tổng số tiền 615.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 05/3/2025, mục đích cả hai lần vay là để làm ăn kinh doanh. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã giao nộp 01 Hợp đồng vay tiền số công chứng 10215, quyển số 02/2023/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Chợ Gạo với số tiền 500.000.000 đồng và 01 Giấy nhận nợ ngày 16/01/2025 với số tiền 115.000.000 đồng.

Đối với với số tiền vay 500.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tiền ngày 18/12/2023 được công chứng tại Văn phòng công chứng Chợ Gạo thể hiện nội dung ông H3, bà Hồng H2 và anh T2 cùng vay bà Thanh H1 số tiền 500.000.000 đồng. Mặc dù bà Thanh H1 không có lập biên nhận khi giao tiền nhưng trong Giấy nhận nợ ngày 16/01/2025 thể hiện nội dung ông H3 có mượn bà Thanh H1 số tiền 500.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H3 cũng thừa nhận đã nhận số tiền 500.000.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Hồng H2 và anh T2 nhưng bà Hồng H2, anh T2 vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như bà Hồng H2 và anh T2 không có phản đối gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định ông H3, bà Hồng H2 và anh T2 còn nợ bà Thanh H1 số tiền vay là 500.000.000 đồng nên cần buộc ông H3, bà Hồng H2 và anh T2 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên cho bà Thanh H1.

Đối với với số tiền vay 115.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn ông H3 thừa nhận ông có ký tên vào Giấy nhận nợ ngày 16/01/2025 có thể hiện nội dung ông H3 có mượn bà Thanh H1 số tiền 115.000.000 đồng. Ông H3 trình bày số tiền 115.000.000 đồng là do ông không trả được tiền lãi nên bà Thanh H1 đã cộng tiền lãi lại và yêu cầu ông ký nhận nợ số tiền 115.000.000 đồng, tuy nhiên ông không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày này của ông H3. Do đó, có căn cứ xác định ông H3 có nợ bà Thanh H1 số tiền 115.000.000 đồng nên cần buộc ông H3 có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà Thanh H1.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông H3 đều thừa nhận hợp đồng vay giữa bà Thanh H1 với ông H3, bà Hồng H2 và anh T2 là hợp đồng vay có lãi. Tại Giấy nhận nợ ngày 16/01/2025 ông H3 và bà Thanh H1 thỏa thuận ngày trả nợ là ngày 05/3/2025 nhưng phía ông H3 không thực hiện trả tiền. Xét thấy bị đơn đã vi phạm hợp đồng khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở. Nguyên đơn yêu cầu phía tính lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 06/3/2025 đến khi xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau:

- 500.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 02 tháng 27 ngày = 12.035.000 đồng.

- 115.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 02 tháng 27 ngày = 2.768.050 đồng, làm tròn thành 2.768.000 đồng.

Như vậy, ông H3, bà Hồng H2 và anh T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thanh H1 số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi 12.035.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 512.035.000 đồng. Ông H3 có nghĩa vụ trả cho bà Thanh H1 số tiền 115.000.000 đồng và tiền lãi là 2.768.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 117.768.000 đồng.

[6] Ông H3 trình bày vợ chồng ông bà đã trả lãi cho bà Thanh H1 số tiền khoảng 100.000.000 đồng nhưng ông không có chứng cứ chứng minh và không được phía nguyên đơn thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày này của ông H3.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 92, 147, 227, 228, 235, 238, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H1.

Buộc bà Lý Hồng H2, ông Phạm Thế H3 và anh Phạm Anh T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền nợ là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 12.035.000 đồng, tổng cộng vốn lãi 512.035.000 đồng *(Năm trăm mười hai triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng)*.

Buộc ông Phạm Thế H3 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền nợ là 115.000.000 đồng và tiền lãi là 2.768.000 đồng, tổng cộng vốn lãi 117.768.000 đồng *(Một trăm mười bảy triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bà Lý Hồng H2, ông Phạm Thế H3 và anh Phạm Anh T2 liên đới chịu 24.481.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Thế H3 phải chịu 5.888.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thanh H1 được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thủy Uyên